

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Trang bị điện ngành điện tử (228272) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 18

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hạnh</i> NT Hạnh	<i>P</i> P. H. T.	<i>Hạnh</i> Ng T Hạnh	<i>P</i> P. H. T.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121060034	PHẠM XUÂN DUY	22/03/2003	CCQ2106A			<i>Duy</i>	5.5	8.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121060045	NGUYỄN SỸ THÀNH ĐẠT	13/05/2003	CCQ2106B			<i>Đạt</i>	6.0	7.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121060003	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	16/03/2003	CCQ2106A			<i>Đạt</i>	7.0	0	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121060039	NGUYỄN ĐẶNG KHOA	03/12/2003	CCQ2106B			<i>Khoa</i>	6.8	8.0	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121060020	TRẦN ĐỨC KHOA	28/02/1998	CCQ2106A			<i>Khoa</i>	8.3	8.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121060018	NGUYỄN MINH KHÔI	19/09/2003	CCQ2106A			<i>K</i>	5.3	7.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121060009	NGUYỄN VĂN NHẬT	08/10/2003	CCQ2106A			<i>Nhật</i>	5.8	6.0	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121060031	NGUYỄN THANH PHÚ	26/04/2003	CCQ2106A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121060038	DƯƠNG PHÚ QUÝ	06/06/2003	CCQ2106B			<i>Quý</i>	7.8	7.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121060011	HÀ NGỌC SÁNG	22/03/2003	CCQ2106A			<i>Sang</i>	8.0	8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121060025	PHẠM ĐỖ QUỐC TÂN	31/10/2003	CCQ2106A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121060040	PHẠM THÀNH THẠCH	10/12/2003	CCQ2106B			<i>Thạch</i>	5.0	7.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121060046	ĐOÀN VĂN THANH	15/11/2003	CCQ2106B			<i>Thanh</i>	7.0	8.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121060012	NGUYỄN QUANG THÀNH	20/11/1998	CCQ2106A			<i>Thành</i>	8.8	8.0	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121060029	NGUYỄN QUANG TIẾN	09/12/2003	CCQ2106A			<i>Tiến</i>	8.0	8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121060013	PHAN QUỐC TOÀN	06/02/2002	CCQ2106A			<i>Toàn</i>	7.8	8.0	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121060024	NGUYỄN VIỆT TUẤN	12/10/2003	CCQ2106A			<i>T</i>	8.3	0	3.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121060017	NGUYỄN TẤN VINH	08/01/2003	CCQ2106A			<i>Vinh</i>	1.0	0	0.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121060037	PHAN TRUNG VINH	23/02/2003	CCQ2106B			<i>Vinh</i>	8.0	8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121060021	HUỖNH NGỌC XUÂN	15/02/2003	CCQ2106A			<i>Xuân</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9